

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 221/TCTCNTP-TVLK

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2018

V/v công bố thông tin DNNN năm 2018.

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai kính gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất (*báo cáo đính kèm*) để thực hiện công bố thông tin DNNN theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TT & TT (B/c);
- Sở TC; Chi cục TCDN;
- Hội đồng thành viên;
- Các Phó TGĐ;
- Kiểm soát viên;
- Giám đốc tài chính;
- Các phòng: KHTH, TVLK, KTNB, DA, TCLĐ, NCCL và PTSP;
- Lưu VT, TVLK.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hiểu

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 3 NĂM GẦN NHẤT

I. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 3 năm trước

Trong giai đoạn 03 năm từ 2015-2017, nền kinh tế Việt Nam với nhiều khó khăn trước những biến động lớn của nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, được sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, sự hỗ trợ tích cực của các Sở Ban Ngành, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của tập thể CB, CNV- LĐ, Tổng công ty đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Bảng 1: Kết quả sản xuất – kinh doanh giai đoạn 2015 - 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.023	7.123	7.148
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.385	691	513
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2.066	1.786	1.892

II. Thuận lợi, khó khăn trong giai đoạn 2015–2017

2.1 Những thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, các ngành các cấp, các địa phương; Đảng bộ, Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc đã có những giải pháp hiệu quả, kịp thời quản lý, lãnh đạo Tổng công ty vượt qua khó khăn, giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh.

Tổng công ty luôn đề cao tinh thần đoàn kết, vượt khó khăn, phát động và thực hiện hiệu quả phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, phấn đấu thực hiện hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

2.2 Những khó khăn chủ yếu

Nền kinh tế trong nước có chiều hướng phục hồi trong giai đoạn năm 2015-2017, nhưng vẫn chưa thật sự ổn định và bền vững, tốc độ tăng trưởng chưa cao. Tiến trình mở cửa thị trường ở cấp độ khu vực, quốc tế được đẩy mạnh hơn, áp lực cạnh tranh, xâm nhập thị trường từ các tập đoàn đa quốc gia đối với doanh nghiệp nội địa ngày càng lớn. Cùng với quá trình hội nhập và tăng trưởng kinh tế, thu nhập của dân cư tăng ảnh hưởng đến xu hướng tiêu dùng theo hướng hàng hóa có giá trị và thương hiệu cao cấp. Nhìn chung trong những năm gần đây, nền kinh tế thế giới

có nhiều biến động, giá cả tiếp tục biến động tăng giảm đã làm ảnh hưởng đến các hoạt động thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh, và phát triển chăn nuôi trong toàn tổ hợp Tổng công ty.

Ngành sản xuất thuốc lá điều – sản phẩm sản xuất chính của Công ty mẹ đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đối thủ cạnh tranh và vấn nạn thuốc lá lậu vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp. Việc in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên sản phẩm không những làm tăng chi phí sản xuất mà còn ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng. Bên cạnh đó, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng thuốc lá tăng từ 65% lên 70% từ ngày 01/01/2016, khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá tăng từ 1% lên 1,5% từ ngày 01/5/2016, các đơn vị sản xuất phải điều chỉnh tăng giá bán thuốc lá điều để bảo đảm duy trì sản xuất. Nhu cầu tiêu dùng thuốc lá của xã hội có xu hướng chuyển dần từ các loại thuốc lá bình dân sang các sản phẩm trung, cao cấp. Bên cạnh đó, việc các Công ty thuốc lá của các tỉnh (Bến Tre, An Giang, Đồng Tháp, Cửu Long, Long An) sáp nhập vào Công ty Thuốc lá Sài Gòn đã tạo thêm cho Công ty này lợi thế cạnh tranh đối với cả sản phẩm tiêu thụ nội địa và xuất khẩu... từ đó dẫn đến sản phẩm thuốc lá của Tổng công ty tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.

Ngành cao su vẫn có những khó khăn nhất định mặc dù thị trường đến đầu năm 2017 đã có những tín hiệu khởi sắc so với các năm trước nhưng đến thời điểm này giá cao su trên thị trường tiếp tục giao dịch trầm lắng có xu hướng giảm. Ngoài ra, địa bàn cao su phân tán trên nhiều huyện nên công tác quản lý và bảo vệ vườn cây, sản phẩm còn nhiều bất cập, một số lô cao su trên vùng đất xấu bị chết trong mùa nắng nóng, năng suất, sản lượng thấp.

Ngành sản xuất chăn nuôi heo đang đối mặt với tình trạng cung vượt cầu trên thị trường do lợi nhuận cao của ngành trong những năm trước nên đã có nhiều nhà đầu tư cùng tham gia vào lĩnh vực này. Bên cạnh đó, các vấn đề khác như thời tiết, khí hậu, tình hình dịch bệnh, các quy định về môi trường và một số nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu, làm giá trị nguyên liệu tăng ảnh hưởng rất lớn đến chi phí đầu vào của ngành chăn nuôi.

2.3 Kế hoạch trong tương lai

Trên cơ sở định hướng Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và lộ trình tái cơ cấu, thoái vốn đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt (theo Quyết định số 4328/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh); nhận diện những cơ hội, thách thức từ môi trường hoạt động; trên cơ sở nguồn lực hiện có và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, cùng với quyết tâm phấn đấu vượt qua khó khăn, duy trì sự phát triển, Tổng công ty định hướng hoạt động và chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, tiếp tục công tác nghiên cứu, phát triển các sản phẩm thuốc lá điều mới phù hợp với gu của người tiêu dùng trong nước với giá thành hợp lý; tiếp tục kiện toàn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của Công ty mẹ - Tổng công ty.

- Hoàn thành công tác tái cơ cấu, thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Đồng Nai.

III. Tình hình đầu tư tại các công ty con

3.1 Tình hình đầu tư vào các công ty con (Tổng công ty nắm trên 50% vốn điều lệ) trong 03 năm 2015, 2016 và 2017

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Tên doanh nghiệp	2015	2016	2017
1	Cty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	31.740	31.740	31.740
2	Cty CP Nông súc sản Đồng Nai	28.847	28.847	28.847
3	Cty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	72.108	72.108	72.108
4	Cty CP Xây dựng và SX VLXD Biên Hòa	316.770	316.770	316.770
5	Cty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	32.695	32.695	32.695
6	Cty CP Chăn nuôi Phú Sơn	33.101	33.101	33.100
7	Cty CP Sản xuất TMDV Đồng Nai	21.342	21.342	21.342
8	Cty CP Bao bì Biên Hòa	65.888	65.888	65.888
9	Cty TNHH MTV Thọ Vực	17.829	17.829	17.829
10	Cty TNHH MTV Cao su Công nghiệp	121.000	121.000	121.000
11	Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	198.788	200.000	297.458
Tổng cộng		940.108	941.320	1.038.777

3.2 Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con (Tổng công ty nắm trên 50% vốn điều lệ) trong 03 năm 2015, 2016 và 2017

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2015

Chủ sở hữu: Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Phải Nộp ngân sách (triệu đồng)
I.	Công ty TNHH MTV			
1	Công ty TNHH MTV XD&SX VLXD Biên Hòa (đến 31/10/2015)	732.710	72.724	153.592
2	Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	46.754	6.585	4.873

3	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long			
	- Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	52.252	5.754	874
	- Công ty CP VLXD & Chất đốt Đồng Nai (Công ty cấp III)	861.158	15.193	11.442
	- Công ty CP Du Lịch Đồng Nai (Công ty cấp III)	184.440	10.273	11.739
4	Công ty TNHH MTV Thọ Vực	29.633	360	-264
II.	Công ty cổ phần có vốn trên 50%			
1	Công ty CP Bao bì Biên Hoà	1.348.446	69.326	45.975
2	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	944.105	726.409	113.651
3	Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn	244.874	56.096	12.039
4	Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	288.832	2.456	2.754
5	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Đồng Nai	126.935	2.725	1.345
6	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	322.686	4.053	4.231
7	Công ty CP SX TM DV Đồng Nai	193.680	2.378	3.891
8	Công ty CP XD&SX VLXD Biên Hòa	186.801	30.618	31.227

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2016
Chủ sở hữu: Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Phải Nộp ngân sách (triệu đồng)
I.	Công ty TNHH MTV			
1	Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	53.294	7.139	5.159
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long			
	- Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	84.522	8.588	1.587
	- Công ty CP VLXD & Chất đốt Đồng Nai (Công ty cấp III)	709.489	19.309	10.953
	- Công ty CP Du Lịch Đồng Nai (Công ty cấp III)	207.104	10.196	11.069
4	Công ty TNHH MTV Thọ Vực	14.890	94	136
II.	Công ty cổ phần có vốn trên 50%			
1	Công ty CP Bao bì Biên Hoà	1.390.240	74.656	60.209
2	Công ty CP Xây dựng & Sản xuất VLXD Biên Hòa	1.040.916	153.227	218.651
3	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	156.118	30.160	73.456
4	Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn	246.348	54.847	11.342
5	Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	328.308	1.007	1.862

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
	Thuốc lá điếu	triệu bao	420	351	360
	Thịt heo, gà, t.phẩm chế biến	tấn	458	524	-
	Mủ cao su RSS	tấn	1.300	1.270	1.764
	Đá xây dựng các loại .	1000m3	6.693	6.031	6.023
	Bao bì giấy các loại	tấn	69.878	75.000	85.500
	Gỗ dán các loại	m3	3.358	3.000	1.800
	Quần áo gia công XK	1000sp	421	270	510
	Sữa tươi các loại	tấn	9.913	10.100	-
	Heo giống, heo thịt	tấn	6.001	6.320	8.070
	Nông sản	tấn	7.967	9.300	33.050
	Xăng dầu các loại	1000 lít	62.754	57.408	62.916
	Xe gắn máy	chiếc	4.806	5.660	4.990
	Phân bón hoá học các loại	tấn	32.575	32.000	31.890
	Dịch vụ Du lịch	Triệu đồng	109.624	139.799	197.668
	Cho thuê kho, mặt bằng	Triệu đồng	14.916	12.400	17.000
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.003	7.123	7.148
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.385	691	513
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2.066	1.786	1.892
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	17.570	14.788	12.395
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng			
a)	- Nguồn ngân sách	“			
b)	- Vốn vay	“	1.876	2.294	3.592
c)	- Vốn khác	“			
8	Tổng lao động	Người	8.793	7.218	5.923
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	876	649	572
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng			
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng			





BIỂU 2
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2015				Thực hiện năm 2016				Thực hiện năm 2017			
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư Công ty mẹ (Tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư thực tế tại đơn vị (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư Công ty mẹ (Tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư thực tế tại đơn vị (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư Công ty mẹ (Tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư thực tế tại đơn vị (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
	Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp	121.000	100,00%	121.000	121.000	121.000	100,00%	121.000	121.000	121.000	100,00%	121.000	121.000
	Cty TNHH MTV ĐT PT Bửu Long	200.000	100,00%	200.000	200.000	200.000	100,00%	297.458	200.000	297.458	100,00%	297.458	297.458
	Cty TNHH MTV Thọ Vực	17.829	100,00%	17.829	17.829	17.829	100,00%	17.829	17.829	17.829	100,00%	17.829	17.829
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối(cấp 2)												-
	Công Ty CP Xây Dựng & SX VLXD Biên Hòa	450.000	70,39%	316.769	316.769	450.000	70,39%	316.769	316.769	450.000	70,39%	316.769	316.769
	Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	100.000	72,11%	72.108	72.108	100.000	72,11%	72.108	72.108	100.000	72,11%	72.108	72.108
	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	40.000	78,44%	31.740	31.376	40.000	78,44%	31.740	31.376	40.000	78,44%	31.740	31.376
	Cty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	46.624	70,13%	32.695	32.695	46.624	70,13%	32.695	32.695	46.624	70,13%	32.695	32.695
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn	45.000	73,56%	33.101	33.101	67.500	73,56%	33.101	49.651	67.500	73,56%	33.101	49.651
	Công ty cổ phần Bao Bi Biên Hòa	128.324	53,62%	65.888	68.808	128.324	53,62%	65.888	68.808	128.324	53,62%	65.888	68.808
	Công ty CP SX TM DV Đồng Nai	40.000	53,36%	21.342	21.342	40.000	53,36%	21.342	21.342	40.000	53,36%	21.342	21.342
	Cty CP Nông Sản Đồng Nai	68.426	84,32%	28.847	57.694	102.639	84,32%	28.847	86.545	102.639	84,32%	28.847	86.545